

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST

Ngày 13/6/2022.

Về việc: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Linh**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà: **Nguyễn Thị Tài**.

2. Bà: **Trần Thị Quế**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Ka Hít** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà**-Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 13 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 82/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/3/2022 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/5/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/5/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ka B, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn 01, xã L.B, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (Có đơn đề nghị vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Mai Văn T, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn 01, xã L.B, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện ngày 17/01/2022, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị B và anh T quen biết tìm hiểu nhau được 6 tháng thì đăng ký kết hôn UBND xã L.B, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 14/3/2018. Hôn nhân là tự nguyện, được gia đình hai bên đồng ý và có tổ chức lễ cưới theo đạo công giáo. Quá trình chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2020 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T không chăm lo gia đình; vợ chồng bất đồng quan điểm sống; đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, không ai quan tâm ai, tình cảm vợ chồng không còn do vậy chị B xin được ly hôn với anh T.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 01 con chung là cháu Mai Ka Bảo Anh, sinh ngày 14/12/2017. Ly hôn chị B có nguyện vọng tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Không có.

- **Về nợ chung:** Không có.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không đến Tòa án làm việc và cũng không không có văn bản ý kiến hay trình bày gì.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị B và anh T được ly hôn với nhau, giao con cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng và buộc chị B phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Chị B có đơn đề nghị vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên áp dụng khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

2. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh T tự nguyện kết hôn tại UBND xã L.B, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 14/3/2018; hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc gì nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Qua xác minh tại địa phương thể hiện mâu thuẫn vợ chồng chị B, anh T là có xảy ra; nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T ngoại tình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên xúc phạm, chửi vợ, vợ chồng đã sống ly thân. Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần nhưng anh T không đến, điều này cho thấy anh T bỏ mặc hôn nhân của mình, không muốn sống chung với chị B nữa. Xét thấy hôn nhân của chị B và anh T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 cần chấp nhận yêu cầu chị B xử cho chị B và anh T được ly hôn với nhau.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian ly thân đến nay con sinh sống với chị B, khỏe mạnh bình thường. Để không làm xáo trộn môi trường sống của cháu cần tiếp tục giao cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, chị B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị B phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 80, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ka B về việc “Ly hôn” với anh Mai Văn T, xử cho chị Ka B và anh Mai Văn T được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Giao cháu Mai Ka Bảo Anh, sinh ngày 14/12/2017 cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Buộc chị Ka B phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 4366 ngày 18/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (Chị B đã nộp xong).

4. Về quyền kháng cáo: Chị B, anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng ⁽²⁾
- VKS huyện Bảo Lâm;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- CC.THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã L.B ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Linh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tài

Trần Thị Quế

Nguyễn Văn Linh